

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CALILAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CALILAND

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: CALILAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CALILAND.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109320343

3. Ngày thành lập: 25/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 541 Ngõ An Đông Ngõ Vọng, Phường Ngã Ngang, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tổ chức giám thi và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, kinh doanh hoặc quản lý, giám thi, hình thức, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên nhân sự và nhân viên tổ chức.	8230
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh của công ty (theo Điều 28 Luật Thương mại)	8299
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; (không bao gồm: đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động bán đấu giá tài sản)	4610
4.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
5.	Xây dựng, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
6.	Công nghệ tin Chi tiết: Hoạt động internet và duy trì các cơ sở dữ liệu trên các mạng internet và nội dung theo mô hình đăng ký có thể tìm kiếm bằng cách dễ dàng.	6312

7.	Ho t ng t v n qu n l Chi ti t: Vì c cung c p t v n, h ng d n và tr giúp i u hành i v i doanh nghi p và các t ch c khác trong v n qu n l , nh l p chi n l c và k ho ch ho t ng, ra quy t nh tài ch nh, m c ti u và ch nh sách th tr ng, ch nh sách ngu n nh n l c, th c thi và k ho ch; ti n s n xu t và k ho ch giám sát. Vì c cung c p d ch v kinh doanh này có th bao g m t v n, h ng d n ho c tr giúp ho t ng i v i doanh nghi p ho c các d ch v c ng ng nh : - Quan h và th ng tin c ng ng; - Thi t k ph ng pháp ki m toán ho c c ch , ch ng tr nh chi ph ki m toán, c ch i u khi n ng n qu ; - T v n và giúp kinh doanh ho c d ch v l p k ho ch, t ch c, ho t ng hi u qu , th ng tin qu n l ...	7020
8.	Kinh doanh b t ng s n, quy n s d ng t thu c ch s h u, ch s d ng ho c i thu Chi ti t: Kinh doanh b t ng s n (Kho n 1 i u 3 Lu t Kinh doanh b t ng s n 2014)	6810
9.	T v n, m i gi i, u giá b t ng s n, u giá quy n s d ng t Chi ti t: - Kinh doanh d ch v m i gi i b t ng s n (i u 62 Lu t Kinh doanh b t ng s n 2014) - Sàn giao d ch b t ng s n. (i u 69 Lu t Kinh doanh b t ng s n 2014) - Kinh doanh d ch v t v n b t ng s n (i u 74 Lu t Kinh doanh b t ng s n 2014) - Kinh doanh D ch v qu n l b t ng s n (i u 75 Lu t Kinh doanh b t ng s n 2014) - (Lo i tr ho t ng t v n pháp lu t v b t ng s n)	6820(Chính)
10.	Ho t ng h tr d ch v tài ch nh ch a c ph n vào u Chi ti t: Ho t ng t v n u t .	6619
11.	Nghi n c u th tr ng và th m dò d lu n	7320
12.	Ho t ng ki n trúc và t v n k thu t có li n quan Chi ti t: Ho t ng t v n k thu t có li n quan khác	7110

13.	X y d ng nhà Chi ti t : - X y d ng t t c các lo i nhà nh : + Nhà cho m t h gia nh, + Nhà cho nhi u gia nh, bao g m c các toà nhà cao t ng. - Tu s a và c i t o các khu nhà t n t i.	4101
14.	X y d ng nhà kh ng Chi ti t : - X y d ng t t c các lo i nhà kh ng nh : + Nhà x ng ph c v s n xu t c ng nghi p, v d : nhà máy, x ng l p ráp... + B nh vi n, tr ng h c, nhà làm vi c, + Khách s n, c a hàng, nhà hàng, trung t m th ng m i, + Nhà ga hàng không, + Khu th thao trong nhà, + B i xe, bao g m c b i xe ng m, + Kho ch a hàng, + Nhà ph c v m c ch t n giáo, t n ng ng. - L p ráp và ghép các c u ki n x y d ng úc s n t i hi n tr ng x y d ng;	4102
15.	Hoàn thi n c ng tr nh x y d ng Chi ti t : - Trát v a b n trong và b n ngoài các c ng tr nh nhà và c ng tr nh x y d ng khác, bao g m các nguy n li u ánh bóng, - L p t c a ra vào (lo i tr c a t ng và c a cu n), c a s , khung c a ra vào, khung c a s b ng g ho c b ng nh ng v t li u khác, - L p t thi t b , dùng nhà b p, c u thang và nh ng ho t ng t ng t , - L p t thi t b n i th t, - Ho t ng hoàn thi n b n trong c ng tr nh nh : Làm tr n, p g t ng, ho c vách ng n di chuy n c... - X p, l p, treo ho c l p t trong các toà nhà ho c các c ng tr nh khác nh : + Lát sàn ho c t ng b ng g ch, b t ng, á x , g ch g m, + Lót ván sàn và các lo i ph sàn b ng g khác, + Th m và t m ph s n lát sàn, bao g m b ng cao su và nh a, + Lát sàn ho c p t ng b ng g ch kh ng nung, á hoa, á hoa c ng (granit), á phi n... + Gi y dán t ng, - S n b n ngoài và b n trong c ng tr nh nhà, - S n các k t c u c ng tr nh d n d ng, - L p g ng, k nh, - Làm s ch các toà nhà m i sau x y d ng, - Các c ng vi c hoàn thi n nhà khác, - L p t n i th t các c a hàng, nhà đi ng, thuy n...	4330

16.	Ho t ng x y d ng chuy n d ng khác Chi ti t - Ho t ng x y d ng chuy n bi t s d ng trong t t c các k t c u c ng tr nh nh ng y u c u ph i có k n ng ri ng chuy n s u ho c ph i có thi t b chuy n m n hóa nh : + X y d ng n n móng, bao g m c ép c c, + Các c ng vi c v ch ng m và ch ng th m n c, + Ch ng m các toà nhà, + ào gi ng (trong ngành khai thác m), + L p d ng các k t c u thép kh ng th s n xu t nguy n kh i, + U n thép, + X y g ch và t á, + L p mái các c ng tr nh nhà , + L p d ng và d b c p pha, giàn giáo, lo i tr ho t ng thu c p pha, giàn giáo, + L p d ng ng khối và lò s y c ng nghi p, + Các c ng vi c òi h i chuy n m n c n thi t nh k n ng trèo và s d ng các thi t b li n quan, v d làm vi c t ng cao trên các công trình cao. - Các c ng vi c d i b m t; - X y d ng b b i ngoài tr i; - R a b ng h i n c, phun cát và các ho t ng t ng t cho m t ngoài c ng tr nh nhà; - Thu c n tr c có ng i i u khi n.	4390
17.	Bán bu n máy móc, thi t b và ph tùng máy khác Chi ti t : Bán bu n máy móc, thi t b và ph tùng máy khai khoáng, x y d ng Bán bu n máy móc, thi t b i n, v t li u i n (máy phát i n, ng c i n, d y i n và thi t b khác dùng trong m ch i n) Bán bu n máy móc, thi t b và ph tùng máy d t, may, da giày Bán bu n máy móc, thi t b và ph tùng máy v n phòng (tr máy vi t nh và thi t b ngo i vi) Bán bu n máy móc, thi t b y t Bán bu n máy móc, thi t b và ph tùng máy khác ch a c ph n vào u	4659
18.	Bán bu n v t li u, thi t b l p t khác trong x y d ng Chi ti t : Bán bu n tre, n a, g c y và g ch bi n Bán bu n xi m ng Bán bu n g ch x y, ngói, á, cát, s i Bán bu n k nh x y d ng Bán bu n s n, vécn Bán bu n g ch p lát và thi t b v sinh Bán bu n ng kim Bán bu n v t li u, thi t b l p t khác trong x y d ng	4663

19.	Phá d	4311
-----	-------	------

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

M nh giá c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ MINH TÂM	P902 NA Toà 17 T ng Phùng Khoang, Ph ng Trung V n, Qu n Nam T Li m, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	1.200.000	12.000.000.000	60,000	001089013168	
			C ph n u i bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i hoàn l i	0	0	0,000		
			Các c ph n u i khác	0	0	0,000		
			T ng s	1.200.000	12.000.000.000	60,000		
2	B I TH PH NG ANH	38/88 Hoàng Nh Ti p, Ph ng B , Qu n Long Bi n, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	20.000	200.000.000	1,000	013099750	
			C ph n u i bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i hoàn l i	0	0	0,000		
			Các c ph n u i khác	0	0	0,000		
			T ng s	20.000	200.000.000	1,000		

3	NGUYỄN DUY ĐỨC NG	Tôn giáo: Tin Lành, Phụng vụ, Ngụ cư, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần thông	780.000	7.800.000.000	39,000	001083038590	
			Cổ phần ưu đãi	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	780.000	7.800.000.000	39,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY ĐỨC NG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng minh cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ chứng minh cá nhân: 001083038590

Ngày cấp: 21/07/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Nhật Tảo, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chức hiện tại: Tổ Nhật Tảo, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng kinh doanh Thành phố Hà Nội